TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 116/2020/DS-ST
Ngày: 26-6-2020
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Kim Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Tiến Thành.

Bà Nghiêm Thị Xuân Huê.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Minh Anh – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 26 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 106/2020/TLST-DS ngày 11 tháng 02 năm 2020 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1493/2020/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 5 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 1844/2020/QĐST-DS ngày 02 tháng 6 năm 2020, giữa:

Nguyên đơn: Ông Huỳnh Kim T, sinh năm 1967.
Địa chỉ: Đường T1, Phường Z, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.
Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Phạm Thị Ánh N, sinh năm 1995 (Vắng mặt) hoặc bà Trần Thị Thủy T2, sinh năm 1996 (Có mặt); Cùng địa chỉ: Đường P, phường D, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số chứng thực 421, quyển số 01-SCT/CK, ĐC ngày 17 tháng 01 năm 2020 tại Văn phòng Công chứng Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh).

Bị đơn: Công ty Cổ phần Tập đoàn ML.
Địa chỉ trụ sở: đường H, phường X, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.
Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Quang T3, sinh năm 1994 (Có mặt); Địa chỉ: Đường H, phường X, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số 13/2020/GUQ-CTHĐQT ngày 25 tháng 02 năm 2020).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 06 tháng 01 năm 2020 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là Bà Phạm Thị Ánh N và bà Trần Thị Thủy T2 đều trình bày:

Ngày 13 tháng 5 năm 2008, nguyên đơn và bị đơn ký Hợp đồng hợp tác vay tiền số 1324/2008/HĐVT. Theo nội dung hợp đồng, nguyên đơn cho bị đơn vay 4.000.000.000 đồng, thời hạn vay từ ngày 13 tháng 5 năm 2008 đến ngày 13 tháng 01 năm 2015, lãi suất 1,1090%/tháng (đã khấu trừ thuế thu nhập cá nhân 5%).

Ngày 25 tháng 11 năm 2014, nguyên đơn và bị đơn ký Phụ lục hợp đồng số 1324/2008/PLHĐVT-Lần 12 điều chỉnh số tiền nợ gốc còn lại là 2.000.000.000 đồng, do bị đơn đã thanh toán được cho nguyên đơn 2.000.000.000 đồng. Đồng thời, hai bên thỏa thuận gia hạn thời hạn thực hiện hợp đồng thêm 12 tháng kể từ ngày 13 tháng 01 năm 2015 đến ngày 13 tháng 01 năm 2016, điều chỉnh mức lãi suất lại là 0,7017%/tháng (tương đương tỉ lệ lãi suất đã khấu trừ thuế TNCN 5% là 0,6667%/tháng) kể từ ngày 13 tháng 3 năm 2013.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn tiền lãi đến hết tháng 3 năm 2016, sau đó, bị đơn không thanh toán tiền nợ gốc cũng như tiền lãi.

Ngày 17 tháng 4 năm 2019, nguyên đơn và bị đơn ký biên bản làm việc, cụ thể, bị đơn xác nhận còn nợ nguyên đơn số tiền 2.520.026.000 đồng, bao gồm nợ gốc là 2.000.000.000 đồng, nợ lãi từ tháng 3 năm 2016 đến tháng 5 năm 2019 là 520.026.000 đồng. Đồng thời, bị đơn cam kết thanh toán cho nguyên đơn theo phương thức trả dần 100.000.000 đồng/tháng trên số tiền nợ gốc cho đến khi thanh toán hết số tiền nợ gốc và tiền lãi phát sinh. Việc thanh toán sẽ được thực hiện hàng tháng, bắt đầu kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2019 cho đến khi bị đơn hoàn thành nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ gốc và tiền lãi phát sinh. Trong thời gian bị đơn thực hiện việc thanh toán sẽ vẫn phát sinh lãi (với lãi suất đã khấu trừ thuế thu nhập cá nhân 5% là 0,6667%/tháng) trên số tiền nợ gốc còn lại chưa thanh toán và số tiền này sẽ được thanh toán vào kỳ thanh toán cuối cùng. Trường hợp bị đơn vi phạm bất kỳ đợt thanh toán nào thì nguyên đơn có quyền ngay lập tức khởi kiện tại Tòa án nhân dân có thẩm quyền. Tuy nhiên, bị đơn đã không thực hiện đúng cam kết. Tính đến nay, bị đơn chỉ thanh toán được cho nguyên đơn làm 03 đợt bằng hình thức chuyển khoản, cụ thể: Ngày 09 tháng 7 năm 2019, thanh toán tiền gốc 50.000.000 đồng; ngày 30 tháng 7 năm 2019, thanh toán tiền gốc 50.000.000 đồng; ngày 21 tháng 11 năm 2019, thanh toán tiền lãi tháng 3 năm 2016 là 13.334.000 đồng. Tổng cộng là 113.334.000 đồng.

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán các khoản nợ tạm tính đến ngày 26 tháng 6 năm 2020, gồm:

- Nợ gốc 1.900.000.000 đồng.

- Nợ lãi trong hạn kể từ tháng 04 năm 2016 đến ngày 30 tháng 6 năm 2019, mức lãi suất 0,6667%/tháng là 520.026.000 đồng.

- Nợ lãi quá hạn từ ngày 01 tháng 7 năm 2019 cho đến khi vụ việc được cơ quan có thẩm quyền giải quyết xong, tạm tính kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2019 đến ngày 26 tháng 6 năm 2020, lãi suất quá hạn = 150% lãi suất vay do hai bên thỏa thuận (0,6667%/tháng x 150%, tương đương 1%/tháng) là 229.894.822 đồng.

Tổng cộng bị đơn phải thanh toán 2.649.920.822 đồng, thanh toán làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài yêu cầu khởi kiện như trên, nguyên đơn không còn yêu cầu nào khác.

Ông Nguyễn Quang T3 là người đại diện hợp pháp của bị đơn trình bày:

Bị đơn xác nhận có ký với nguyên đơn Hợp đồng hợp tác vay tiền số 1324/2008/HĐVT ngày 13 tháng 5 năm 2008, số tiền vay 4.000.000.000 đồng, thời hạn vay từ ngày 13 tháng 5 năm 2008 đến ngày 13 tháng 01 năm 2015, lãi suất 1.1090%/tháng (đã khấu trừ thuế thu nhập cá nhân 5%); Phụ lục hợp đồng số 1324/2008/PLHĐVT-Lần 12 ngày 25 tháng 11 năm 2014, điều chỉnh số tiền nợ gốc còn lại là 2.000.000.000 đồng do bị đơn đã trả được cho nguyên đơn 2.000.000.000 đồng (đã trả 1.000.000.000 đồng nợ gốc vào ngày 15 tháng 8 năm 2008, 1.000.000.000 đồng gốc vào ngày 24 tháng 4 năm 2009).

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn tiền lãi đến hết tháng 3 năm 2016.

Ngày 17 tháng 4 năm 2019, nguyên đơn và bị đơn ký biên bản làm việc, cụ thể, bị đơn xác nhận còn nợ nguyên đơn số tiền 2.520.026.000 đồng, bao gồm nợ gốc là 2.000.000.000 đồng, nợ lãi từ tháng 3 năm 2016 đến tháng 5 năm 2019 là 520.026.000 đồng. Bị đơn đồng ý thanh toán cho nguyên đơn theo phương thức trả dần 100.000.000 đồng/tháng trên số tiền nợ gốc cho đến khi thanh toán hết số tiền nợ gốc và tiền lãi phát sinh.

Bị đơn cũng xác nhận bị đơn thanh toán được cho nguyên đơn làm 03 đợt bằng hình thức chuyển khoản, cụ thể: Ngày 09 tháng 7 năm 2019, thanh toán tiền gốc 50.000.000 đồng; ngày 30 tháng 7 năm 2019, thanh toán tiền gốc 50.000.000 đồng; ngày 21 tháng 11 năm 2019, thanh toán tiền lãi 13.334.000 đồng. Tổng cộng là 113.334.000 đồng. Tuy nhiên, do ảnh hưởng của nền kinh tế khó khăn nên sau đó bị đơn đã không thanh toán tiếp tiền nợ gốc cũng như tiền lãi cho nguyên đơn.

Bị đơn đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc thanh toán nợ gốc, nợ lãi phát sinh cũng như nợ lãi chậm thanh toán. Bị đơn có nguyện vọng được thanh toán dần số nợ trên, cụ thể: Hai tháng đầu tiên trả 250.000.000 đồng mỗi tháng, các tháng tiếp theo trả 200.000.000 đồng mỗi tháng và lãi phát sinh từng tháng cho đến khi thanh toán hết nợ trên thực tế.

Trước khi mở phiên toà, bị đơn giao nộp bổ sung cho Toà án bản sao Hợp đồng vay tiền số 1324/2008/HĐVT ngày 13 tháng 5 năm 2008 và các phụ lục hợp đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Về việc cung cấp tài liệu, chứng cứ, đại diện nguyên đơn trình bày nguyên đơn không cung cấp được bản chính Hợp đồng vay tiền số 1324/2008/HĐVT ngày 13 tháng 5 năm 2008 và Phụ lục hợp đồng số 1324/2008/PLHĐVT-Lần 12 ngày 25 tháng 11 năm 2014 do bị thất lạc, các bản phụ lục hợp đồng còn lại thì không rõ.

Bị đơn xác nhận còn nợ nguyên đơn 1.900.000.000 đồng nợ gốc, 520.026.000 đồng nợ lãi trong hạn như nguyên đơn trình bày và đồng ý thanh toán cho nguyên đơn. Về nợ lãi quá hạn, bị đơn thống nhất với mức lãi suất nợ quá hạn là 0,6667%/tháng x 150% (tương đương 1%/tháng) và cũng đồng ý thanh toán cho nguyên đơn. Tuy nhiên, bị đơn không đồng ý với cách tính lãi quá hạn của nguyên đơn là tính trên toàn bộ dư nợ gốc giảm dần. Theo bị đơn, tại biên bản làm việc ngày 17 tháng 4 năm 2019, hai bên đã thoả thuận bị đơn thanh toán cho nguyên đơn theo phương thức trả dần 100.000.000 đồng/tháng trên số tiền nợ gốc cho đến khi thanh toán hết số tiền nợ gốc

và tiền lãi phát sinh, nên việc tính nợ lãi quá hạn phải tính theo từng tháng, vi phạm tháng nào thì tính trên dư nợ gốc của tháng đó. Về thời hạn và phương thức thanh toán, do khó khăn nên bị đơn có nguyện vọng được thanh toán dần số nợ trên, mỗi tháng trả 250.000.000 đồng cho đến khi thanh toán hết nợ trên thực tế.

Nguyên đơn và bị đơn thoả thuận áp dụng mức lãi suất trong hạn là 0,6667%/tháng theo Phụ lục hợp đồng số 1324/2008/PLHĐVT-Lần 12 ngày 25 tháng 11 năm 2014 và Biên bản làm việc ngày 17 tháng 4 năm 2019 để tính nợ lãi trong hạn kể từ tháng 4 năm 2016 đến ngày 30 tháng 6 năm 2019; đồng thời thoả thuận mức lãi suất quá hạn là 0,6667%/tháng x 150% (tương đương 1%/tháng) và xác định thời gian bắt đầu tính nợ lãi quá hạn là từ ngày 01 tháng 7 năm 2019.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn ông Huỳnh Kim T khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bị đơn là Công ty Cổ phần Tập đoàn ML có trụ sở tại Số 64-68 đường H, phường X, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Vụ án không thuộc trường hợp những vụ án do Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ hoặc đối tượng tranh chấp là tài sản công, lợi ích công cộng, quyền sử dụng đất, nhà ở hoặc có đương sự là người chưa thành niên, người mất năng lực hành vi dân sự, người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi hoặc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 4 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Viện kiểm sát không tham gia phiên tòa sơ thẩm.

[3] Căn cứ giấy uỷ quyền ngày 17 tháng 01 năm 2020 của nguyên đơn uỷ quyền cho Bà Phạm Thị Ánh N hoặc bà Trần Thị Thuỷ Tiên thay mặt nguyên đơn tham gia tố tụng. Tại phiên toà, bà Trần Thị Thuỷ Tiên có mặt, Bà Phạm Thị Ánh N vắng mặt không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, Toà án vẫn tiến hành xét xử.

[4] Về nội dung: Xét nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán nợ gốc và nợ lãi trong hạn của hợp đồng vay tiền, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[5] Tuy nguyên đơn không cung cấp được bản chính hoặc bản sao hợp đồng và các phụ lục hợp đồng, nhưng tại Biên bản làm việc ngày 17 tháng 4 năm 2019, bị đơn xác nhận còn nợ nguyên đơn nợ gốc và nợ lãi phát sinh. Mặt khác, lời trình bày của nguyên đơn về nội dung sự việc được bị đơn thừa nhận.

[6] Bị đơn giao nộp tài liệu, chứng cứ cho Toà án gồm: Bản sao Hợp đồng vay tiền số 1324/2008/HĐVT ngày 13 tháng 5 năm 2008 và Phụ lục hợp đồng số 1324/2008/PLHĐVT-Lần 12 ngày 25 tháng 11 năm 2014, ngoài ra còn có bản sao Phụ lục hợp đồng số 1324/2008/PLHĐVT ngày 15 tháng 7 năm 2008, Phụ lục hợp đồng số 1324/2008/PLHĐVT-Lần 2 ngày 19 tháng 02 năm 2009, Phụ lục hợp đồng số 1324/2008/PLHĐVT-Lần 3 ngày 23 tháng 4 năm 2009, Phụ lục hợp đồng số 1324/2008/PLHĐVT-Lần 4 ngày 23 tháng 4 năm 2009, Phụ lục hợp đồng số 1324/2008/PLHĐVT-Lần 5 ngày 06 tháng 7 năm 2009, Phụ lục hợp đồng số 1324/2008/PLHĐVT-Lần 6 ngày 13 tháng 11 năm 2009, Phụ lục hợp đồng số 1324/2008/PLHĐVT-Lần 7 ngày 13 tháng 6 năm 2011, Phụ lục hợp đồng số 1324/2008/PLHĐVT-Lần 8 ngày 14 tháng 3 năm 2012, Phụ lục hợp đồng số 1324/2008/PLHĐVT/09 ngày 13 tháng 6 năm 2012, Phụ lục hợp đồng số

1324/2008/PLHĐVT-Lần 9 ngày 13 tháng 12 năm 2012, Phụ lục hợp đồng số 1324/2008/PLHĐVT-Lần 10 ngày 20 tháng 6 năm 2013, Phụ lục hợp đồng số 1324/2008/PLHĐVT-Lần 11 ngày 19 tháng 02 năm 2014. Nội dung của các phụ lục hợp đồng nêu trên thể hiện sự thoả thuận của hai bên điều chỉnh về số tiền nợ gốc còn lại, thời gian gia hạn hợp đồng, hình thức thanh toán cũng như mức lãi suất.

[7] Tại phiên toà, nguyên đơn và bị đơn thoả thuận áp dụng mức lãi suất trong hạn là 0,6667%/tháng theo Phụ lục hợp đồng số 1324/2008/PLHĐVT-Lần 12 ngày 25 tháng 11 năm 2014 và Biên bản làm việc ngày 17 tháng 4 năm 2019 để tính nợ lãi trong hạn kể từ tháng 4 năm 2016 đến ngày 30 tháng 6 năm 2019, cụ thể:

[8] Nợ lãi trong hạn từ tháng 4 năm 2016 đến tháng 5 năm 2019 là 2.000.000.000 đồng x 38 tháng x 0,6667%/tháng = 506.692.000 đồng.

[9] Nợ lãi trong hạn từ ngày 01 tháng 6 năm 2019 đến ngày 30 tháng 6 năm 2019 là 2.000.000.000 đồng x 01 tháng x 0,6667%/tháng = 13.334.000 đồng.

[10] Tổng cộng là 520.026.000 đồng.

[11] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, đại diện hai bên đương sự thừa nhận: Nguyên đơn và bị đơn có ký kết hợp đồng và hiện nay bị đơn còn nợ nguyên đơn 1.900.000.000 đồng nợ gốc và 520.026.000 đồng nợ lãi trong hạn theo Hợp đồng vay tiền số 1324/2008/HĐVT ngày 13 tháng 5 năm 2008, các phụ lục hợp đồng và Biên bản làm việc ngày 17 tháng 4 năm 2019 phù hợp quy định tại Điều 471, khoản 1 Điều 474 và khoản 1 Điều 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005; điểm c khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm nên có cơ sở để chấp nhận.

[12] Xét nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán nợ lãi quá hạn của hợp đồng vay tiền, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[13] Tại biên bản làm việc ngày 17 tháng 4 năm 2019, hai bên thoả thuận: "Trong thời gian Công ty Cổ phần Tập đoàn ML thực hiện việc thanh toán sẽ vẫn phát sinh lãi (với tỷ lệ lãi suất đã khấu trừ thuế TNCN là 0,6667%/tháng) trên số tiền nợ gốc còn lại chưa thanh toán và số tiền này sẽ được thanh toán vào kỳ thanh toán cuối cùng". Do đó, bị đơn cho rằng việc tính lãi quá hạn phải tính theo từng tháng, vi phạm tháng nào thì tính trên dư nợ gốc của tháng đó là không có cơ sở.

[14] Tại phiên toà, hai bên đương sự thoả thuận mức lãi suất quá hạn là 0,6667%/tháng x 150% (tương đương 1%/tháng) và xác định thời gian bắt đầu tính nợ lãi quá hạn là từ ngày 01 tháng 7 năm 2019 là phù hợp với quy định tại điểm c khoản 1 Điều 2 và điểm c khoản 2 Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm đối với khoảng thời gian từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 thì áp dụng quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 và văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2015; Lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả bằng 150% mức lãi suất vay do các bên thỏa thuận trong hợp đồng tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác. Do đó, nợ lãi quá hạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn là:

[15] Nợ lãi quá hạn từ ngày 01 tháng 07 năm 2019 đến ngày 08 tháng 7 năm 2019 là 2.000.000.000 đồng x 08 ngày x 0,6667%/tháng x 150% = 5.333.600 đồng;

[16] Nợ lãi quá hạn từ ngày 09 tháng 7 năm 2019 đến ngày 29 tháng 7 năm 2019 là 1.950.000.000 đồng x 21 ngày x 0,6667%/tháng x 150% = 13.650.683 đồng;

[17] Nợ lãi quá hạn từ ngày 30 tháng 7 năm 2019 đến ngày 26 tháng 6 năm 2020 là 1.900.000.000 đồng x 333 ngày x 0,6667%/tháng x 150% = 210.910.539 đồng;

[18] Tổng cộng là 229.894.822 đồng.

[19] Bị đơn đề nghị thanh toán dần số nợ trên, trả 250.000.000 đồng mỗi tháng cho đến khi thanh toán hết nợ trên thực tế, nhưng không được phía nguyên đơn đồng ý nên không có cơ sở để chấp nhận.

[20] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 84.998.416 đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[21] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471, khoản 1 Điều 474 và khoản 1 Điều 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm c khoản 1 Điều 2 và điểm c khoản 2 Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Kim T.

Buộc Công ty Cổ phần Tập đoàn ML có nghĩa vụ thanh toán cho ông Huỳnh Kim T các khoản tiền còn nợ tính đến ngày 26 tháng 6 năm 2020, tổng cộng là 2.649.920.822 đồng, gồm: 1.900.000.000 đồng nợ gốc; 520.026.000 đồng nợ lãi trong hạn và 229.894.822 đồng nợ lãi quá hạn theo Hợp đồng vay tiền số 1324/2008/HĐVT ngày 13 tháng 5 năm 2008; Phụ lục hợp đồng số 1324/2008/PLHĐVT ngày 15 tháng 7 năm 2008; Phụ lục hợp đồng số 1324/2008/PLHĐVT-Lần 2 ngày 19 tháng 02 năm 2009; Phụ lục hợp đồng số 1324/2008/PLHĐVT-Lần 3 ngày 23 tháng 4 năm 2009; Phụ lục hợp đồng số 1324/2008/PLHĐVT-Lần 4 ngày 23 tháng 4 năm 2009; Phụ lục hợp đồng số 1324/2008/PLHĐVT-Lần 5 ngày 06 tháng 7 năm 2009; Phụ lục hợp đồng số 1324/2008/PLHĐVT-Lần 6 ngày 13 tháng 11 năm 2009; Phụ lục hợp đồng số 1324/2008/PLHĐVT-Lần 7 ngày 13 tháng 6 năm 2011; Phụ lục hợp đồng số 1324/2008/PLHĐVT-Lần 8 ngày 14 tháng 3 năm 2012; Phụ lục hợp đồng số 1324/2008/PLHĐVT/09 ngày 13 tháng 6 năm 2012; Phụ lục hợp đồng số 1324/2008/PLHĐVT-Lần 9 ngày 13 tháng 12 năm 2012; Phụ lục hợp đồng số 1324/2008/PLHĐVT-Lần 10 ngày 20 tháng 6 năm 2013; Phụ lục hợp đồng số 1324/2008/PLHĐVT-Lần 11 ngày 19 tháng 02 năm 2014; Phụ lục hợp đồng số

1324/2008/PLHĐVT-Lần 12 ngày 25 tháng 11 năm 2014; Biên bản làm việc ngày 17 tháng 4 năm 2019.

Thi hành làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí: Công ty Cổ phần Tập đoàn ML phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 84.998.416 đồng.

Ông Huỳnh Kim T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông Huỳnh Kim T 42.759.680 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: AA/2019/0005778 ngày 11 tháng 02 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Kim Huệ